TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAKRÔNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 30-5-019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phương Tiến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đức Hoành Sơn**

2. Bà **Lê Thị Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Đức Thiện** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đakrông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên toà: Ông **Lê Chí Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019; về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng CSXH V**

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Văn B** – Giám đốc phòng giao dịch NHCS V huyện Đ (Theo QĐ ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCS V)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn B: Ông **Lê Hải H** - Phó Giám đốc phòng giao dịch NHCS V huyện Đ (Theo Giấy ủy quyền số 126/GUQ-NHCS ngày 04/12/2018). Có mặt

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1941; Trú tại: Thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

3. Người có QLNVLQ: Anh **Trần Đức C** – Sinh năm 1980; Trú tại: Thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng gồm 02 hợp đồng như sau:

Hợp đồng 01: Ngày 10/9/2009 bà Nguyễn Thị C có vay vốn chương trình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn số tiền 30.000.000đ để trồng tràm, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 26/8/2014, lãi suất 0,9% /tháng, lãi suất quá hạn 130% (lãi suất thực trả từ ngày 10/9/2009 đến ngày 09/9/2011 là 0,57%/ tháng). Nhưng đến ngày 11/01/2017 bà C chỉ trả được 5.000.000đ tiền gốc, nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc 25.000.000đ sang nợ quá hạn. Tiền lãi phát sinh chưa trả tạm tính đến ngày 24/9/2018 là 1.009.728đ

Hợp đồng 02: Ngày 31/8/2010 bà C có vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 8.000.000đ thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/8/2015, lãi suất 0,9% /tháng, lãi suất quá hạn 130%. Đến ngày 11/01/2018 không trả nợ nên ngân hàng đã chuyển số nợ 8.000.000đ sang nợ quá hạn. Tiền lãi phát sinh chưa trả đến ngày 24/9/2018 là 323.111đ

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đã đôn đốc phía bị đơn trả nợ nhưng phía bị đơn vẫn chây ỳ không chấp hành việc trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đakrông yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền đến ngày 30/5/2019 là 32.984.722đ.Trong đó: Hợp đồng 01, số tiền gốc 24.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 170.433đ, tiền lãi quá hạn: 569.108đ; Hợp đồng 02, số tiền gốc 8.000.000đ, số tiền lãi trong hạn: 56.811đ, số tiền lãi quá hạn: 189.369đ. Nếu chậm trả, bà C và anh C phải trả thêm phần lãi phát sinh tính từ ngày 30/5/2019 đến khi tất toán hợp đồng.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, quá trình giải quyết vụ án bà Cg có văn bản ý kiến trình bày: Bà có vay Ngân hàng tại thời điểm 24/9/2018 số tiền là 34.332.839đ (Nợ gốc: 33.000.000đ và lãi phát sinh đến ngày 24/9/2018 là 1.332.839đ). Bà C mong muốn được thỏa thuận với Ngân hàng về việc trả nợ 1.000.000đồng/tháng.

Đối với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức C: Quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã vắng mặt không có lý do chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật tố tụng.

Về thu thập chứng cứ: Việc thu thập chứng cứ được tiến hành theo đúng trình tự thủ tục luật định và cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 421, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng CSXH V số tiền 32.984.722 đồng. Trong đó tiền nợ gốc: 32.000.000đ; lãi phát sinh đến ngày 30/5/2019: 984.722 đồng (Số tiền lãi trong hạn: 227.244 đồng; số tiền lãi quá hạn: 757.478 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thẩm quyền giải quyết vụ án**:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng vay vốn ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là để trồng tràm và xây dựng công trình nước sinh hoạt gia đình nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, quan hệ tranh chấp vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Tòa án nhân dân huyện Đakrông đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] **Về áp dụng pháp luật**: Thời điểm xác lập hợp đồng vào ngày 10/9/2009 và ngày 31/8/2010. Vì vậy, áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành để áp dụng.

[4] **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**:

[4.1] **Về hợp đồng tín dụng**:

Bà Nguyễn Thị C ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng CSXH V theo Hợp đồng tín dụng số 020042 ngày 10/9/2009 và ngày 31/8/2010 và anh Trần Đức C là con bà Chung là người thừa kế. Các hợp đồng tín dụng trên và giấy nhận nợ đã được các bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, có năng lực hành vi dân sự, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng tại các Điều 121, 122, 124 của BLDS 2005. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4.2] **Về quá trình thực hiện hợp đồng:** Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho bà Nguyễn Thị C theo đúng cam kết. Ngày 10/9/2009, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 30.000.000đ lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn 130%/tháng (Lãi suất thực trả từ ngày 10/9/2009 đến ngày 09/9/2011 là 0,57%/tháng) hạn trả nợ cuối cùng ngày 23/8/2014 gia hạn đến ngày 11/01/2017. Đến ngày 30/5/2019 bà C chỉ trả được 6.000.000đ tiền gốc nên ngân hàng đã chuyển số nợ 24.000.000đ sang nợ quá hạn.

Ngày 31/8/2010, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 8.000.000đ lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn 130%/tháng hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/8/2015 gia hạn đến ngày 11/01/2018. Đến ngày 30/5/2019 bà C không trả nợ nên ngân hàng đã chuyển số nợ 8.000.000đ sang nợ quá hạn.

Bà Nguyễn Thị C đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng các cam kết về trả nợ gốc và lãi. Ngân hàng CSXH V đã cử cán bộ kiểm tra, đôn đốc việc trả nợ nhưng bà C không trả nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà C phải thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền theo 02 Hợp đồng tín dụng trên là 32.984.722 đồng. Trong đó:

Hợp đồng ngày: 10/9/2009. Tiền gốc: 24.000.000 đồng,tiền lãi: 738.542 đồng, gồm lãi trong hạn:170.433 đồng, lãi quá hạn: 568.109 đồng.

Hợp đồng ngày: 31/8/2010. Tiền gốc: 8.000.000 đồng, tiền lãi: 246.180 đồng, gồm lãi trong hạn: 56.811 đồng, lãi quá hạn: 189.369 đồng

Hội đồng xét xử thấy trong quá trình vay vốn, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn) cụ thể:

Đối với tiền gốc: Đến hạn thanh toán bà C không trả nợ gốc trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Đối với tiền lãi trong hạn: Phát sinh mỗi tháng và được thanh toán định kỳ hàng tháng theo mức lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng nhưng bà C không thanh toán.

Đối với tiền lãi quá hạn: Bà C không thanh toán tiền gốc đến hạn theo khế ước nhận nợ, nên làm phát sinh lãi quá hạn bằng 130%, lãi suất trong hạn đối với từng Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 31/5/2019 cho đến khi bà C thanh toán hết nợ là có cơ sở.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 72, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, 421, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hành CSXH V số tiền 32.984.722 đồng. Trong đó tiền nợ gốc: 32.000.000đ; lãi phát sinh đến ngày 30/5/2019: 984.722 đồng (Số tiền lãi trong hạn: 227.244 đồng; số tiền lãi quá hạn: 757.478 đồng)

Kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2019, bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 1.649.236 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Đakrông;
- Chi cục THADS huyện Đakrông;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Phương Tiến